TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:08/2021/HNPT
Ngày: 22-3-2021
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
- *Các Thẩm phán:* Bà: Huỳnh Thị Bích Vân

Bà: Lê Thị Minh Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Anh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con và tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2020/ HN ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị M**,** sinh năm: 1975

Địa chỉ: Khu vực 3, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chổ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

*Bị đơn***:** Ông Mai Kế M**,** sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu vực 3, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Mai Kế M tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào tháng 8 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, có nhiều bất đồng quan điểm nên thường hay cải vả nhau, ông M thường đánh đập bà nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn.

Bà và ông M có một con chung là cháu Mai Thanh P (nam) sinh ngày 08/9/2013 hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chung sống bà và ông M có tài sản chung là một chiếc xe hiệu Vison biển số đăng ký 65F1-34604 trị giá 35.000.000đ do bà đứng tên và đang quản lý sử dụng. Khi ly hôn bà đồng ý chia đôi và bà hoàn lại ½ giá trị cho ông số tiền là 17.500.000đ. Bà xác định là ngoài chiếc xe ra bà và ông M không có tài sản chung nào khác; và cũng không có nợ chung.

Bị đơn ông Mai Kế M trình bày: ông thừa nhận lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân và con chung của ông bà là nhân là đúng, nhưng ông không đồng ý ly hôn với lý do là bà M không chia tài sản chung của vợ chồng, khi nào bà M đồng ý chia theo yêu cầu của ông thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông cho rằng nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, vì ông có đủ khả năng đảm bảo cuộc sống cho cháu P.

Về tài sản chung: mặc dù bà M khởi kiện xin ly hôn không yêu cầu chia tài sản chung, nhưng ông có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng như sau: Trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập các tài sản là một chiếc xe hiệu Vison biển số đăng ký 65F1-34604 trị giá 35.000.000đ do bà đứng tên và đang quản lý sử dụng và 41 chỉ vàng 24k cùng 11 chỉ vàng 18k khi ly thân bà M đã lấy hết số vàng này; nếu bà M ly hôn thì phải chia đôi số vàng trên và ông sẽ nhận lại giá trị bằng tiền. Ông xác định là ông bà không bà không có nợ chung.

Tại bản án số 54/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã xét xử và Quyết định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị M được ly hôn với ông Mai Kế M.

Về con chung; ông bà có một con chung là cháu Mai Thanh P (nam) sinh ngày 08/9/2013. Giao cháu P cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm chăm sóc giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền cản trở. Ông M bà M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Mai Kế M đối với nguyên đơn bà Phan Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung là số vàng 41 chỉ vàng 24k cùng 11 chỉ vàng 18k vì chưa đủ cơ sở.

Công nhận tài sản chung của bà M ông M trong thời kỳ hôn nhân là một chiếc xe hiệu Vison biển số đăng ký 65F1-34604 trị giá 35.000.000đ do bà M đứng tên chủ sở hữu và đang quản lý sử dụng.

Nguyên đơn bà Phan Thị M bị đơn ông Mai Kế M mỗi người được chia ½ tài sản chung. Nguyên đơn bà Phan Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ông M số tiền là 17.500.000đ và bà M được sở hữu chiếc xe này.

Về thời gian và cách thức thanh toán số tiền trên được giải quyết tại chi cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

Kể từ khi bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu nguyên đơn chậm trả số tiền nêu trên thì nguyên đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về nợ chung: không có.

Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị M phải nộp số tiền 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, theo biên lai thu số 012393 ngày 30/9/2020, công nhận bà đã nộp xong.

Về án phí chia tài sản chung: Nguyên đơn bà Phan Thị M phải nộp số tiền 875.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Mai Kế M phải nộp số tiền 7.369.000đ án phí nhưng được nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.639.000đ ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, theo biên lai thu số 012530 ngày 28/10/2020, ông M còn phải nộp thêm số tiền 3.730.000đ.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm để tính án phí đối với vàng 24k là 5.410.000đ và vàng 18k là 3.450.000đ).

Ngoài ra bản án còn tuyên về Quyền –thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 bị đơn ông Mai Kế M có đơn kháng cáo với nội dung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con là cháu Mai Thanh P (nam) sinh ngày 08/9/2013. Và yêu cầu bà Phan Thị M phải giao lại cho ông ½ số vàng mà bà đã mang theo khi bỏ nhà ra đi, tương ứng 20 chỉ 5 phân vàng 24k và 5 chỉ 5 phân vàng 18k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Phan Thị M và ông Mai Kế M tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định pháp luật, do vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống lại không đạt được hạnh phúc như mong muốn và khi mâu thuẫn xảy ra thì cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Bà M xác định là không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với Mạnh được nữa và bà yêu cầu được ly hôn. Về phía ông M thì ông không đồng ý theo yêu cầu của bà M về ly hôn, con chung cũng như tài sản chung. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong nguyên đơn bà Phan Thị M không có đơn kháng cáo; Bị đơn ông Mai Kế M không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M xác định là giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện Pháp luật Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn thì nhận thấy:

Đối với yêu cầu được nuôi con chung của ông M thì tại phiên tòa ông xác nhận là từ khi ông bà ly thân cháu P do nguyên đơn nuôi dưỡng, ông cũng chưa lần nào đến thăm hay phụ giúp kinh tế để nguyên đơn nuôi dưỡng cháu P. Mặt khác, cháu P có nguyện vọng ở với mẹ. Nên cấp sơ thẩm giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với phần tài sản là số vàng 4 lượng 01 chỉ vàng 24K và 11 chỉ vàng 18K, ông M yêu cầu được chia ½ số vàng này. Nhưng đến tại thời điểm này ông cũng không chứng minh được là ông bà có số vàng này, bà M thì không thừa nhận lời trình bày của ông, ông kháng cáo nhưng chỉ là trình bày không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, chưa có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông M.

Về án phí: Án sơ thẩm chưa áp dụng đúng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, về nghĩa vụ chịu án phí trong lĩnh vực chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Nên cấp phúc thẩm xem xét điều chỉnh lại phần này.

Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông M. Sửa án sơ thẩm về án phí.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về yêu cầu kháng cáo được nuôi con chung của ông M thì thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông M trình bày là từ khi ly thân cho đến nay ông không đến thăm cháu P, ông cũng không phụ giúp kinh tế để nuôi cháu P, do hiện nay sức khỏe ông không tốt, việc kinh doanh không còn thuận lợi nữa, nên ông không phụ giúp kinh tế nuôi con chung. Phía bà M trình bày là từ trước tới nay cháu P do bà trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P được đi học,

mặc dù có trể hơn tuổi 01 năm. Mặc khác ông M cũng không chứng minh được bà M nuôi cháu P không tốt hay có vi phạm gì về nghĩa vụ nuôi con. Cháu P đã nêu nguyện vọng được ở với mẹ ngay từ khi cấp sơ thẩm giải quyết. Từ đó cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông M về việc được trực tiếp nuôi con là không có cơ sở để chấp nhận và chưa phù hợp thực tế. Nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về kháng cáo yêu cầu chia ½ số vàng 24K và 18K theo đơn khởi kiện của ông M thì nhận thấy: Ngay từ khi phát sinh tranh chấp bà M không thừa nhận ông bà có số vàng này, ông M nêu ra số vàng nhưng không chứng minh được nguồn gốc, thời điểm mua số vàng này. Lời trình bày của ông M lại mâu thuẫn nhau về thời điểm mua vàng, ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là ông đã mua số vàng này hay ông bà có được số vàng này trong thời gian chung sống với nhau.

Trong khi ông M thừa nhận là khi chung sống ngoài thu nhập từ kinh doanh quán nhậu ra ông bà không có thu nhập nào khác, gia đình gồm 5 người, 02 con riêng bà M đang tuổi ăn học, bản thân ông đau ốm phải điều trị trên thành phố Hồ Chí Minh chi phí rất tốn kém. Do vậy, lời trình bày của ông về số vàng có được do tích lũy từ việc buôn bán quán nhậu của hai người khi chung sống là chưa có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M cũng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông. Do vậy, cấp phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của ông M.

Tuy nhiên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, không có ai kháng cáo và không có kháng nghị về phần án phí, nhưng do cấp sơ thẩm đã tính phần án phí buộc ông M phải nộp là 7.369.000 đồng phần bị bác yêu cầu. Việc tính án phí của cấp sơ thẩm là chưa đúng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do vậy cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại phần án phí. Ông M chỉ phải chịu số tiền án phí là 875.000 đồng án phí chia tài sản.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1,2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm b, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Y án sơ thẩm về nội dung, sửa án sơ thẩm về án phí.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Kế M.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị M được ly hôn với ông Mai Kế M.

Về con chung; ông bà có một con chung là cháu Mai Thanh P (nam) sinh ngày 08/9/2013. Giao cháu P cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm chăm sóc giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền cản trở. Ông M bà M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Mai Kế M đối với nguyên đơn bà Phan Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung là số vàng 41 chỉ vàng 24k cùng 11 chỉ vàng 18k vì chưa đủ cơ sở.

Công nhận tài sản chung của bà M ông M trong thời kỳ hôn nhân là là một chiếc xe hiệu Vison biển số đăng ký 65F1-34604 trị giá 35.000.000đồng do bà M đứng tên chủ sở hữu và đang quản lý sử dụng.

Nguyên đơn bà Phan Thị M bị đơn ông Mai Kế M mỗi người được chia ½ tài sản chung. Nguyên đơn bà Phan Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ông M số tiền là 17.500.000đồng và bà M được sở hữu chiếc xe này.

Về thời gian và cách thức thanh toán số tiền trên được giải quyết tại chi cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

Kể từ khi bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu nguyên đơn chậm trả số tiền nêu trên thì nguyên đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về nợ chung : không có.

Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị M phải nộp số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, theo biên lai thu số 012393 ngày 30/9/2020, công nhận bà đã nộp xong.

Về án phí chia tài sản chung: Nguyên đơn bà Phan Thị M phải nộp số tiền 875.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Mai Kế M phải nộp số tiền 875.000 đồng án phí nhưng được nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.639.000đồng ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, theo biên lai thu số 012530 ngày 28/10/2020, ông M được nhận lại số tiền 2.764.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về án phí phúc thẩm: ông Mai Kế M phải chịu số tiền là 300.000đồng, chuyển số tiền 300.000đồng tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 012664 ngày 29/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đã thu, sang thành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Q. Thốt Nốt;
- Chi cục THA.DS Q. Thốt Nốt;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy